

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2019/HC-PT**

Ngày: 23-01-2019

V/v: “Khiếu kiện quyết định giải quyết
khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Thông**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Tấn Trường**
Bà **Lê Thuý Cầu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hải Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2017/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2017/HC-ST ngày 05-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115D/2019/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Trần Đ**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 39, thôn 6, xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Ông **Trần L**, sinh năm: 1954, trú tại: Tổ 39, thôn 6, xã Đ1, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi là người đại diện

theo ủy quyền của người khởi kiện (Văn bản ủy quyền ngày 11 tháng 12 năm 2017). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hà Vĩnh Ph, luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 52 đường H2, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Chí Phương - Phó Giám đốc Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M1 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Minh B – Trưởng phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Minh B – Trưởng phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên thửa đất số 463 thuộc xã Đ1, huyện M có nguồn gốc đất, nhà cửa do ông bà tạo lập, sau khi bàn giao một phần nhà và đất cho phòng lương thực huyện M quản lý sử dụng vào năm 1975 thì mảnh đất còn lại có tứ cận: Phía Nam giáp vườn nhà ông Võ T, phía Bắc giáp nhà ông Trần H, phía Tây giáp đường Quốc lộ 1A, phía Đông giáp ruộng khoán của xã viên hợp tác xã nông nghiệp Đ1 2.

Năm 2000, Nhà nước mở rộng Quốc lộ 1A đoạn Quảng Ngãi - Nha Trang, thửa đất số 463 do bà Đoàn Thị Đ2 đứng tên nằm trong hành lang giải tỏa, nên được đền bù phần diện tích đất có chiều dọc từ mép đường nhựa cũ đến hành lang

giải tỏa năm 2000 là 6,54m, chiều ngang là 18,2m, được tính bồi thường về đất là 76,4m²; số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 21.987.840 đồng, trong đó bồi thường về đất là 11.460.000 đồng.

Năm 2004, đo đạc lại vườn, nhà ở, thửa đất số 463 được bà Đ2 chia cho hai cháu ngoại thành 2 thửa là thửa số 1486 diện tích 342m² do bà Trần Đoàn Hà N đứng tên và thửa số 241 diện tích 350m² do ông Trần Đ đứng tên. Quá trình sử dụng đất không có tranh chấp, chính quyền địa phương cũng không có ý kiến gì. Đến năm 2008, bà Trần Đoàn Hà N chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất 1486 cho hai người là ông Nguyễn C và ông Trần Văn Th. Thửa đất số 241 do ông Trần Đ đứng tên được gia đình tiếp tục sử dụng, mặt diện về đất của ngôi nhà là 9,04m/10,45m.

Năm 2014, Nhà nước tiếp tục giải tỏa mặt bằng để mở rộng Quốc lộ 1A, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 17-6-2014 thu hồi 2m² đất thuộc thửa đất số 241 của ông Trần Đ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 23-6-2014 về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ tổng giá trị là 6.619.550 đồng, trong đó bồi thường, hỗ trợ về đất là 3.000.000 đồng. Không đồng ý với việc áp giá bồi thường, hỗ trợ nêu trên, ông Trần L yêu cầu kiểm tra lại việc thu hồi đất, áp giá bồi thường cho gia đình ông. Sau nhiều lần kiểm tra hiện trường, trên cơ sở đề nghị của các bộ phận liên quan, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 27-12-2014 thu hồi Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 17-6-2014 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 27-01-2015 về việc điều chỉnh giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ, theo Quyết định này không hỗ trợ, bồi thường về đất, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ là 3.619.550 đồng (giảm 3.000.000 đồng). Ông Trần L (được ông Trần Đ ủy quyền) cho rằng việc thực hiện áp giá đền bù là không đúng vì theo tài liệu ông thu thập được cùng với biên bản kiểm tra hiện trường ngày 31-10-2014, thì ông tính toán phần diện tích phải đền bù giải tỏa mặt bằng năm 2014 là 17m² (tính tròn) trong đó có 4m² nằm trong diện tích nhà ở, nên ông khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M. Ngày 19-11-2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 4641/QĐ-UBND không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Trần L. Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M, ngày 27-11-2015, ông Trần L tiếp tục

khieu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu giải quyết khieu nại lần 2. Ngày 29-9-2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định giải quyết khieu nại số 1785/QĐ-UBND bác khieu nại của ông Trần L và công nhận việc giải quyết khieu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M là đúng pháp luật, phù hợp thực tiễn.

Ông Trần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khieu nại của ông Trần L.

Tại văn bản số 659/UBND-NC ngày 10-02-2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi trình bày:

Thửa đất số 241, tờ bản đồ số 11, xã Đ1 lập năm 2004 mà ông Trần Đ đang sử dụng hiện có khieu kiện, nguyên là một phần của thửa đất 463, diện tích 410m², loại (ruộng) đất T, tờ bản đồ số 6 xã Đ1 lập năm 1987 do bà Đoàn Thị Đ2 đứng tên chủ sử dụng trong Sổ đăng ký ruộng đất (Mẫu 5b) lập theo chỉ thị 299/TTg. Năm 2000, Nhà nước đã thu hồi 76,4m² đất bà Đ2 đang sử dụng để thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A, bà Đ2 đã được bồi thường về đất, vật kiến trúc và các khoản hỗ trợ khác với tổng số tiền là 21.987.840 đồng. Bà Đ2 đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và từ đó đến nay không có khieu nại, yêu cầu gì. Trong quá trình sử dụng đất, bà Đ2 đã phân chia thửa đất này cho các cháu ngoại như sau:

Cho cháu ngoại là ông Trần Đ sử dụng phần đất phía Bắc. Tại thời điểm thu hồi đất thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A năm 2000 thì tổng diện tích thửa đất ông Trần Đ sử dụng là 144,85m², diện tích bị ảnh hưởng thu hồi là 11,7m² (nằm trong tổng diện tích thu hồi 76,4m² đã bồi thường cho bà Đ2); diện tích còn lại của ông Trần Đ là 133,15m². Đến năm 2005, ông Trần Đ được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 241, tờ bản đồ số 11, diện tích 350m², tăng 216,85m² nguyên nhân tăng là do quá trình đo đạc cấp GCNQSDĐ chồng lên diện tích nằm trong ranh giới giải phóng mặt bằng Nhà nước đã thu hồi năm 2000 và một phần diện tích phía Đông thuộc đất UBND xã Đ1 quản lý.

Cho cháu ngoại bà Trần Đoàn Hà N sử dụng phần diện tích còn lại ở phía Nam, bà N đã được UBND huyện M cấp 2 GCNQSDĐ vào ngày 01-02-2008. Bà N đã chuyển nhượng 02 mảnh đất này cho người khác.

Thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A, trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật thửa đất do đơn vị tư vấn lập và GCNQSDĐ do hộ ông Trần Đ cung cấp, UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 17-6-2014 thu hồi của hộ ông Trần Đ 2m² thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 11 để thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A và Chủ tịch UBND huyện M đã ban hành Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 23-6-2014 phê duyệt bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông Trần Đ với số tiền 6.619.550 đồng, trong đó bồi thường hỗ trợ 100% về đất 3.000.000 đồng. Không đồng ý với việc bồi thường của UBND huyện M, ông Trần Đ ủy quyền cho ông Trần L (cha đẻ) yêu cầu xem xét lại việc thu hồi đất và bồi thường. Quá trình xem xét giải quyết, Trung tâm phát triển quỹ đất chi nhánh huyện M đã phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, UBND xã Đ1 và chủ đầu tư nhiều lần làm việc, kiểm tra hiện trường vào các ngày: 15-10-2014, 22-10-2014, 31-10-2014, 09-12-2014, 10-12-2014. Trên cơ sở kiểm tra hiện trường phát hiện diện tích đất sử dụng thực hiện dự án nằm trong ranh giới giải phóng mặt bằng đã thu hồi, bồi thường năm 2000 nên đã kiến nghị, trình UBND huyện M ban hành Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 27-12-2014 thu hồi Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 17-6-2014, không giải quyết thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông Trần Đ. Ngày 27-01-2015 Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND điều chỉnh, bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Trần Đ với tổng số tiền 3.619.550 đồng.

Không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện M, ông Trần L (được ông Trần Đ ủy quyền) khiếu nại cho rằng UBND huyện M không thực hiện bồi thường diện tích đất bị ảnh hưởng khi thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A cho gia đình ông là không đúng. Ông yêu cầu bồi thường, hỗ trợ 17m² đất còn thiếu khi thực hiện mở rộng Quốc lộ 1A năm 2000 cho gia đình ông, nếu không bồi thường thì đề nghị dịch chuyển mốc giải phóng mặt bằng ra mỗi bên là 1,6m và bồi thường ngôi nhà cấp IV.A đến điểm dừng kỹ thuật.

Ngày 19-11-2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 4641/QĐ-UBND giải quyết: “Không công nhận nội dung đơn khiếu nại ngày 15-6-2015 và nội dung khiếu nại Biên bản làm việc ngày 13-8-2015 với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện của ông Trần L (được ông Trần Đ ủy quyền), ở thôn 6, xã Đ1, huyện M đối với Quyết định số 3771/QĐ-UBND ngày 27-12-2014 của UBND huyện M về việc thu hồi Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 17-6-2014

của UBND huyện M”. Không đồng ý với giải quyết của Chủ tịch UBND huyện M, ngày 27-11-2015 ông Trần L khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Kết quả kiểm tra, đo đạc tại hiện trường thửa đất số 241, đối chiếu với các ranh giới giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất năm 2000 và thu hồi đất năm 2014 đối với phần diện tích 17m² đất mà ông Trần L yêu cầu bồi thường (theo ranh, mốc giới ông Trần L chỉ dẫn) thể hiện: Phần diện tích 17m² qua đo đạc thực tế là 16,5m² và nằm hoàn toàn trong hành lang bảo vệ Quốc lộ 1A đã được Nhà nước thu hồi và bồi thường cho hộ bà Đoàn Thị Đ2 vào năm 2000, bà Đ2 đã nhận tiền và không có yêu cầu, khiếu nại gì từ đó đến nay. Năm 2014, thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A (đoạn đi qua xã Đ1) diện tích sử dụng để thực hiện dự án chưa đến ranh giới giải phóng mặt bằng đã được thu hồi, bồi thường cho hộ bà Đoàn Thị Đ2 năm 2000. Hiện nay, dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, qua kiểm tra thực tế thì hiện trạng nhà, đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông Trần Đ vẫn còn nguyên vẹn, việc thực hiện dự án không thu hồi đất của hộ ông Trần Đ nên không bồi thường, hỗ trợ về đất cho hộ ông Đ, không làm ảnh hưởng gì đến quyền lợi hợp pháp về nhà và đất của hộ ông Trần Đ. Ông Trần Đ yêu cầu bồi thường 17m² đất này mà ông cho rằng còn thiếu khi thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 1A năm 2000, nếu không bồi thường thì đề nghị dịch chuyển mốc giải phóng mặt bằng ra mỗi bên là 1,6m là không có cơ sở pháp lý lần thực tiễn để xem xét, giải quyết. Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần L (được ông Trần Đ ủy quyền) là đúng pháp luật, phù hợp thực tiễn, yêu cầu của ông Trần Đ là không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

Tại văn bản số 359/UBND-NC ngày 24-4-2017 của UBND huyện M, tỉnh Quảng Ngãi và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của UBND và Chủ tịch UBND huyện M là ông Phạm Ngọc L1 trình bày:

Về nguồn gốc đất, quá trình giải tỏa đền bù thực hiện dự án mở rộng Quốc lộ 1A và việc giải quyết khiếu nại liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất số 241, tờ bản đồ số 11 (bản đồ đo vẽ năm 2004) của xã Đ1 mà ông Trần Đ đang sử dụng giống như trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Trên cơ sở kiểm tra hiện trường phát hiện diện tích đất sử dụng thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A năm 2014 nằm trong ranh giới giải phóng mặt bằng đã thu hồi, bồi thường năm 2000. Do đó, UBND huyện M ban hành Quyết

định số 3771/QĐ-UBND ngày 27-12-2014 thu hồi Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 17-6-2014 và phê duyệt lại giá trị bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 27-01-2015 cho hộ ông Trần Đ với tổng số tiền 3.619.550 đồng (không bồi thường, hỗ trợ về đất) là đúng. Vì diện tích mở rộng Quốc lộ 1A thuộc phần đất thu hồi của năm 2003, không ảnh hưởng diện tích hợp pháp của hộ ông Trần Đ. Việc ông Trần L yêu cầu bồi thường, hỗ trợ 17m² đất còn thiếu khi thực hiện mở rộng Quốc lộ 1A năm 2000 cho gia đình ông, nếu không bồi thường thì đề nghị dịch chuyển mốc giải phóng mặt bằng ra mỗi bên là 1,6m và bồi thường ngôi nhà cấp IV.A đến điểm dừng kỹ thuật là không có cơ sở pháp lý lẫn thực tiễn để xem xét, giải quyết. Như vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 4641/QĐ-UBND ngày 19-11-2015 về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần L là đúng pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2017/HC-ST ngày 05-9-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ yêu cầu hủy Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Đến ngày 11-9-2017, người khởi kiện ông Trần Đ có Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, trình bày cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không khách quan, không đúng quy định của pháp luật ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Ý kiến Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Đ tại phiên tòa: Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã chứng minh, năm 2000 Nhà nước chỉ bồi thường cho hộ bà Đ2 76,4m² việc bồi thường này bà Đ2 không khiếu nại và dự án đã thực hiện xong. Việc bồi thường năm 2000 không liên quan đến dự án mở

rộng Quốc lộ 1A năm 2013, hai dự án được thực hiện ở hai thời điểm khác nhau, không liên quan gì đến nhau. UBND huyện M không đưa ra chứng cứ nào để chứng minh rằng năm 2000 Nhà nước đã thu hồi đất của hộ bà Đ2 để mở rộng Quốc lộ 1A, mở rộng Quốc lộ 1A là dự án mới bắt đầu thực hiện thì không thể có việc một mình bà Đ2 bị thu hồi đất và bồi thường năm 2000. Đối với phần diện tích đất $17m^2$ (đo đạc thực tế là $16,5m^2$), tại thời điểm năm 2000, chưa có dự án mở rộng Quốc lộ 1A, chưa có Quyết định thu hồi đất, chưa lập phương án bồi thường thì không có việc đã bồi thường đất. Năm 2014 các cơ quan chức năng mới tiến hành lập biên bản kiểm kê, lập phương án bồi thường thì không có việc đất đã được bồi thường năm 2000. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi không có căn cứ bác khiếu nại của ông Trần Đ, công nhận và giữ nguyên Quyết định số 4641/QĐ-UBND ngày 19-11-2015 của Chủ tịch UBND huyện M. Tại Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất của Trung tâm phát triển quỹ đất lập ngày 09-5-2014 đã xác định, diện tích đất của ông Đ bị thu hồi là $2m^2$, tại hồ sơ kỹ thuật thửa đất công trình đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1A cũng xác định diện tích thửa đất trong ranh giới giải phóng mặt bằng năm 2013 là $2m^2$, nhưng theo mốc giới thực tế tại hiện trường thì chỉ giới phần đất ông Đ phải giải tỏa lên đến $17m^2$, nên ông Đ khiếu nại, nhưng khi khiếu nại thì không được đáp ứng yêu cầu mà bị cắt bỏ không bồi thường luôn $2m^2$ đất đã xác định từ đầu. Trong khi đó, các hộ ông Th, ông C lân cận có cùng chỉ giới bị giải tỏa như ông Trần Đ lại được bồi thường. Việc Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và Chủ tịch UBND huyện M ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại và bác khiếu nại của ông Trần L là thiếu căn cứ vì theo Biên bản kiểm kê đất đai và tài sản bị thiệt hại lập ngày 09-5-2014 đã xác định diện tích đất bị thu hồi của hộ ông Trần Đ là $2m^2$, Biên bản kiểm tra hiện trường ngày 31-10-2014 vẫn xác định diện tích đất thu hồi là $2m^2$. Đây là chứng cứ có căn cứ pháp lý nhưng Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi lại không xem xét chứng cứ này và bác đơn khiếu nại của ông L là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông Đ.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ vắng mặt Người bị kiện và các cơ quan chuyên môn; đồng thời các cơ quan chuyên môn cũng không cung cấp đầy đủ tài liệu nên không đủ căn cứ để đo đạc nên kết quả không đạt như nội dung uỷ thác tư pháp của toà án cấp phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Đ hỷ Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:

Về hình thức và trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là đúng trình tự, thủ tục theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: Nguyên thửa đất đang tranh chấp là một phần của thửa đất bà Đ2. Vào năm 2000 khi mở rộng Quốc lộ 1A đã bồi thường xong cho bà Đ2. Khi mở rộng mặt bằng Quốc lộ 1A vào năm 2014 thì qua khiếu nại của ông Đ, Các cơ quan chức năng của tỉnh đã tổ chức đo đạc lại thì diện tích giải phóng mặt bằng chưa đến cột mốc năm 2000, hiện nay vẫn còn tại thực địa nên không bồi thường về đất. Do đó, việc ông Đ khiếu nại đòi bồi thường 17m² là không có cơ sở.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Qua các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì ông Trần Đ khiếu nại yêu cầu huỷ Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là không có cơ sở để xem xét.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Trần Đ, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của ông Trần Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Nguyên thửa đất số 241, tờ bản đồ số 11, xã Đ1 lập năm 2004 mà ông Trần Đ đang sử dụng là một phần của thửa đất 463, tờ bản đồ số 6 (bản đồ 299/TTg), diện tích 410m², loại đất T, do bà Đoàn Thị Đ2 đứng tên chủ sử dụng. Năm 2000, để thực hiện Dự án nâng cấp mở rộng Quốc lộ 1A, Diện tích đất thu hồi của hộ bà Đ2 tính từ mép nhựa cũ vào là 6,54m, diện tích bồi thường là 4,2m và chiều ngang là 18,2m (76,4m²), diện tích không bồi thường tính từ mép nhựa vào là 2,34m là phần đất của đường Quốc lộ 1A, bà Đ2 đã được bồi thường về đất, vật kiến trúc và các khoản trợ cấp khác với tổng số tiền là 21.987.840 đồng và từ đó đến nay không có khiếu nại, yêu cầu gì. Mốc giới hiện nay vẫn còn ngoài thực địa ở cạnh phía Bắc nhà ông Trần Đ. Tại Biên bản kiểm tra và xử lý hiện trường ngày 31-10-2014 xác định: Ranh giới giải phóng mặt bằng năm 2003 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh cung cấp là trùng với mốc giải phóng mặt bằng năm 2003 đã cắm ngoài thực địa (Phía Bắc thửa đất của ông Trần Đ, trên thửa đất của ông Trần Văn H1).

[2]. Tại Biên bản kiểm tra và xử lý hiện trường ngày 10-12-2014 xác định: *“Theo mốc giải phóng mặt bằng năm 2003 ngoài thực địa thì mốc giải phóng mặt bằng năm 2003 cách tim đường hiện trạng là 11,35m về phía Đông đối với cạnh phía Bắc và cách tim đường hiện trạng về phía Đông là 11m đối với cạnh phía Nam (tim đường thiết kế năm 2014 cách tim đường hiện trạng về phía Tây là 1,9m). Tức từ mốc giải phóng mặt bằng năm 2003 cách tim đường thiết kế năm 2014 là 13,25m về phía Đông đối với cạnh phía Bắc và cách tim đường thiết kế năm 2014 về phía Đông là 12,9m đối với cạnh phía Nam. Phạm vi chiếm dụng làm đường năm 2014 tính từ tim đường thiết kế về phía Đông đến mép ngoài cùng của mương thoát nước dọc là 11,3m. Do đó, thi công mở rộng Quốc lộ 1A năm 2014 chưa đến vạch giải phóng mặt bằng năm 2003, vẫn còn trong phạm vi giải phóng mặt bằng năm 2003. Từ những diễn biến như trên, nhà đầu tư nhận thấy phạm vi chiếm dụng đất để mở rộng Quốc lộ 1A năm 2014 nằm hoàn toàn trong phần đất thu hồi năm 2003, nên nhà đầu tư đề nghị UBND huyện không thu hồi và bồi thường diện tích đất của hộ ông Trần Đ là 2m² vì không ảnh hưởng gì đến thi công dự án”.*

[3]. Như vậy, theo phương án phê duyệt giá trị bồi thường ban đầu thì hộ ông Trần Đ được hỗ trợ, bồi thường tổng số tiền 6.619.550 đồng, trong đó bồi thường, hỗ trợ về đất 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra thực địa, điều chỉnh giá

trị bồi thường thì hộ ông Trần Đ được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 3.619.550 đồng, không bồi thường, hỗ trợ về đất. Việc ông Trần L yêu cầu bồi thường 17m² đất bồi thường còn thiếu khi thực hiện bồi thường cho hộ bà Đoàn Thị Đ2 năm 2000 là không có cơ sở, vì diện tích này hoàn toàn nằm trong phần đất đã thu hồi, bồi thường cho bà Đoàn Thị Đ2 năm 2000. Tại thời điểm thu hồi đất, bồi thường về đất, vật kiến trúc và các khoản trợ cấp khác thì người đứng tên sử dụng đất là bà Đoàn Thị Đ2, bà Đ2 đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và không ý kiến, khiếu nại gì từ năm 2000 đến nay, nên ông L không có quyền yêu cầu đối với việc đền bù, giải tỏa năm 2000 cho bà Đoàn Thị Đ2.

[4]. Tại phiên toà phúc thẩm ngày 28-6-2018 do có một số chứng cứ vụ án chưa được làm rõ, tại phiên toà phúc thẩm không thể bổ sung được; do đó, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên toà để yêu cầu UBND tỉnh Quảng Ngãi và UBND huyện M bổ sung thêm chứng cứ.

[5]. Theo Văn bản số 834/UBND-NC ngày 10-8-2018 của UBND huyện M tỉnh Quảng Ngãi về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ vụ ông Trần Đ trả lời theo Công văn số 1419/CV-TACC ngày 02-7-2018 của Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đã xác định: *"Căn cứ Biên bản làm việc ngày 10-12-2014, Chủ đầu tư thống nhất dịch chuyển mốc giới mặt bằng ở cạnh phía Nam nhà ở ông Trần Đ tính từ mép giải phóng mặt bằng ra là 0,5m (Trong đó ảnh hưởng nhà ở là 0,25m; đất trống là 0,25m) về phía Tây thuộc ranh giới giải phóng mặt bằng năm 2003 (hiện trạng mốc giới giải phóng mặt bằng năm 2003 vẫn còn nguyên ngoài thực địa phía trước nhà của ông Trần Văn H1, giáp với phía Bắc vách nhà của ông Trần Đ) không ảnh hưởng đến đất hợp pháp của ông Trần Đ. Do đó, Chủ đầu tư đề nghị UBND huyện M điều chỉnh không thu hồi 2m² đất của hộ ông Trần Đ. Việc dịch chuyển mốc giới giải phóng mặt bằng về phía Tây không dịch chuyển tim đường, vì phạm vi mốc giới năm 2014 tính từ tim đường thiết kế về phía Đông đến mép ngoài cùng của mương thoát nước dọc là 11,3m. Do đó, thi công mở rộng Quốc lộ 1A năm 2014 chưa đến vạch giải phóng mặt bằng năm 2003, còn 1,95m đối với cạnh phía Bắc và 1,6m đối với cạnh phía Nam (tính từ mép ngoài cùng của rãnh thoát nước dọc thiết kế dự án mở rộng Quốc lộ 1A năm 2014 trở ra vạch giải phóng mặt bằng năm 2003). Như vậy, phạm vi mở rộng Quốc lộ 1A năm 2014 nằm hoàn toàn trong phần đất đã thu hồi của gia đình ông Trần Đ vào năm 2003 không ảnh*

hưởng đến việc sử dụng đất hợp pháp của ông Trần Đ, nên không đề nghị thu hồi 2m² vuông đất của ông Trần Đ theo mốc giải phóng mặt bằng năm 2014...."

[6]. Qua kiểm tra hiện trường, mốc giải phóng mặt bằng năm 2003 vẫn còn cắm ngoài thực địa, nằm ở cạnh phía Bắc thửa đất của ông Trần Đ, trên thửa đất của ông Trần Văn H1. Hiện tại, Quốc lộ 1A đoạn đi qua xã Đ1, vị trí nhà ông Trần Đ đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng hiện trạng nhà ông Trần Đ vẫn còn nguyên vẹn, không bị ảnh hưởng gì trong quá trình thi công mở rộng Quốc lộ 1A nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Ông yêu cầu dịch chuyển mốc giải phóng mặt bằng ra ngoài mỗi bên 1,6m là hoàn toàn không có cơ sở. Quyết định giải quyết khiếu nại số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 4641/QĐ-UBND ngày 19-11-2015 của Chủ tịch UBND huyện M là đúng quy định.

[7]. Ngoài ra, UBND huyện M còn cung cấp 02 hộ liền kề ở hai bên nhà của ông Trần Đ. Cụ thể:

Hộ ông Nguyễn Ngọc T1 liền kề về phía Nam nhà của ông Trần Đ diện tích đất bị thu hồi là 03m², được bồi thường, hỗ trợ về đất là 2.340.000 đồng, vật kiến trúc là 982.080 đồng.

Hộ ông Trần Văn H1 ở liền kề phía Bắc hộ ông Trần Đ thì cũng không bị thu hồi đất và hỗ trợ, bồi thường như trường hợp của hộ ông Trần Đ.

[8]. Tại phiên toà phúc thẩm ngày 23-8-2018, trên cơ sở ý kiến của ông Trần Đ, Hội đồng xét xử xét thấy cần kiểm tra thực tế lại tìm đường trước và sau khi mở rộng Quốc lộ 1A và các mốc giới, lộ giới nên đã hoãn phiên toà để Ủy thác tư pháp cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngày 16-01-2019 Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Kết quả: Về tìm đường giải phóng mặt bằng năm 2003 hiện nay không xác định được vì đã thi công xong; về sơ đồ hiện trạng thu hồi đất năm 2000 thì ông Trần L thừa nhận; về sơ đồ hiện trạng giải phóng mặt bằng năm 2014 của hộ ông Trần Đ, đại diện UBND huyện M tham gia tại hiện trường xác định là không do không có thu hồi đất của ông Đ nên không thống nhất việc đo đạc thực tế, còn ông Đ cho rằng chưa nhận hồ sơ giải phóng mặt bằng nên không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ được; về diện tích 17m² ông Đ yêu cầu bồi thường, đại diện UBND huyện M xác định không có thu hồi đất của hộ ông Đ nên không chấp nhận bồi thường. Do đó, có cơ sở xác định khi giải phóng mặt bằng để mở rộng Quốc lộ 1A vào năm

2014 UBND huyện M không thu hồi đất của hộ ông Trần Đ; đồng thời hộ ông Trần văn H1 ở liền kề phía Bắc hộ ông Trần Đ thì cũng không bị thu hồi đất và hỗ trợ, bồi thường như trường hợp của hộ ông Trần Đ.

[9]. Với những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác Đơn khởi kiện của ông Trần Đ đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại là có căn cứ, đúng với các qui định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bác yêu cầu kháng cáo của ông Trần Đ, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

[10]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

[11]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000đồng, do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu, đã nộp xong.

[12]. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu kháng cáo của ông Trần Đ; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2017/HC-ST ngày 05-9-2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ yêu cầu hủy Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 29-9-2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.000.000đồng, ông Trần Đ phải chịu, đã nộp xong.

4. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Đ phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm*

ngàn đồng), được khấu trừ số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2014/0002861 ngày 12-01-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Đ phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001393 ngày 04-10-2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

5. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông